

Bản án số: 18/2022/HS-ST
Ngày 28 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phẩm

Ông Huỳnh Văn Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Phú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2022/TLST - HS ngày 28 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06A/2022/QĐXXST - HS ngày 07 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Quách Duy T**, sinh năm 1992, tại huyện T1, tỉnh Vĩnh Long. Hiện cư trú tại: ấp P1, xã T2, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc G và bà Quách Mỹ N, chưa có vợ, con; anh, chị, em ruột 02 (hai) người lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1999. Tiền án, tiền sự: Không có. Nhân thân: Bị cáo T từng bị đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 24 tháng theo quyết định số: 1281/UBND ngày 26/3/2012 của UBND huyện T1, tỉnh Vĩnh Long. Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo không bị bắt, không bị tạm giữ, tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Tấn P**, sinh năm 1998, tại huyện T1, tỉnh Vĩnh Long. Hiện cư trú tại: ấp P2, xã S, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị Diễm T3; anh, chị, em ruột 02 (hai) người lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất là bị cáo. Tiền án, tiền sự: Không có. Nhân thân: Bị cáo P chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa từng bị kết án đã được xóa. Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo không bị bắt, không bị tạm giữ, tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Lê Trần Thanh H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp B, xã H1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Lê Thanh V, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp 11, xã M1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 07 tháng 12 năm 2021, bị cáo Nguyễn Quách Duy T điều khiển xe mô tô biển số 64E1-453.49 đến quán “K C” tại địa bàn thị xã BM thì gặp Nguyễn Tấn P; tại đây, T rủ P đi đến thị trấn L để gặp bạn gái của T nhận lại điện thoại. Bị cáo P chở bị cáo T đến cầu HT thuộc địa bàn thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; T không liên lạc được bạn gái nên bị cáo T rủ P tìm tài sản để trộm thì P đồng ý, sau đó cả hai đi theo hướng vào địa bàn xã H1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, đến đường nhựa thuộc ấp B, xã H1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, tại đây T, P phát hiện xe mô tô biển số 64H3-2583 đậu cách đường khoảng 18 mét không ai trông coi, bị cáo T nói với bị cáo P “chiếc xe không có ai kìa để anh vào xem trong cốp xe có tiền không”; T không mở được cốp xe, đẩy xe ra lộ nhựa và nói với bị cáo P “để anh bứt dây max nếu được chạy về luôn”. Bị cáo T dùng chìa khóa xe biển số 64E1-453.49 do bị cáo P đưa để mở khóa, khởi động máy xe vừa trộm được, sau khi khởi động được máy xe, T rút chìa khóa trả cho P, cả hai cùng chạy về quán cà phê “K C”; T đến trước, P đến sau. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo T gặp một thanh niên tên Nguyễn Phạm Hải H2, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khóm 3, phường C, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long bán xe trộm được với giá 2.500.000 đồng, tiêu xài vào mục đích sử dụng trái phép chất ma túy hết 400.000 đồng, sau đó chia cho bị cáo P số tiền 1.250.000 đồng.

Tại bản Kết luận số: 33/KL-ĐGTS ngày 16/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M xác định: 01 xe mô tô biển số 64H3-2583; loại xe nữ, dung tích: 97cm³; nhãn hiệu Wave RS; màu sơn đỏ- đen- xám; số máy C09E-5751958; số khung 9067Y-652081, thời điểm bị chiếm đoạt có giá 2.500.000 đồng.

Ngày 16/12/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M ra quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Quách Duy T và Nguyễn Tấn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, tài sản trộm được là xe mô tô biển số 64H3-2583 chưa thu hồi được, Cơ quan công an đã thông báo truy

tìm xe, khi nào tìm được sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự, trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Xác định chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô biển số 64H3-2583 là anh Phạm Văn N1 (chết ngày 03.10.2021) là chồng của chị Lê Trần Thanh H và chị H cũng là bị hại trong vụ án, đây là tài sản chung của vợ chồng, chị H là người thừa kế hợp pháp tài sản của anh N1. Tại cơ quan công an huyện M chị H thỏa thuận với các bị cáo P, T bồi thường số tiền thiệt hại là 6.500.000 đồng, các bị cáo đã bồi thường xong; tại phiên tòa hôm nay chị H tiếp tục yêu cầu bị cáo T và P bồi thường số tiền 6.500.000 đồng, bị cáo T, P thống nhất và tự nguyện bồi thường.

Đối với đối với phương tiện xe mô tô biển số 64E1-453.49 trong giai đoạn điều tra xác định là tài sản của anh Lê Thanh V không có liên quan đến vụ án nên đã trả anh V xong.

Bị hại Lê Trần Thanh H trình bày: Thống nhất sự tự nguyện của bị cáo T và bị cáo P tiếp tục bồi thường cho chị H số tiền 6.500.000 đồng, về trách nhiệm hình sự không yêu cầu tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo T, bị cáo P.

Tại bản cáo trạng số 06/CT- VKS ngày 25/01/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố Nguyễn Quách Duy T và Nguyễn Tấn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia xét xử phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo và phát biểu nội dung luận tội, khẳng định Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo T, bị cáo P về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật ; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 17; điểm b, i, s khoản 1, 2 của Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Quách Duy T từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P từ 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T, bị cáo P buộc hai bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Lê Trần Thanh H số tiền 6.500.000 đồng.

Án phí: Các bị cáo nộp theo quy định khoản 2 Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các Điều 23, 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Quách Duy T, bị cáo Nguyễn Tấn P thừa nhận hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện tại địa bàn huyện M, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện M xét xử là đúng theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[1.2] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào quá trình tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở chứng minh được:

Bị cáo Nguyễn Quách Duy T chủ mưu cùng bị cáo Nguyễn Tấn P vào ngày 07/12/2021 có hành vi lén lút lấy trộm tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Lê Trần Thanh H có giá trị 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Xét, lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tại phiên tòa và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ khác như: Biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai người bị hại, biên bản thu giữ vật chứng. Có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Quách Duy T, bị cáo Nguyễn Tấn P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.2] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến khách thể được luật hình sự bảo vệ là quyền sở hữu của người khác về tài sản. Trong khi mọi người đang tích cực lao động sản xuất tạo ra của cải vật chất cho mình và góp phần làm giàu cho xã hội, thì các bị cáo lại làm ngược lại, muốn có tài sản để sử dụng cho lợi ích cá nhân nhưng lại không lo lao động sản xuất để có thu nhập hợp pháp, mà lợi dụng sự mất cảnh giác của người khác để sau đó lấy tài sản của họ làm của riêng mình, gây bất bình, làm mất trật tự xã hội ở địa phương, đi ngược lại chủ trương của Đảng và Nhà nước về cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Vì thế, để đấu tranh ngăn chặn tình trạng trên không để tái diễn trong địa bàn nói riêng và trong xã hội nói chung, cần lên cho bị cáo một mức hình phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét, bị cáo Nguyễn Quách Duy T thực hiện tội phạm với vai trò chủ mưu, cầm đầu là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, mục đích phạm tội để có tiền sử dụng trái phép chất ma túy mặc dù trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có bác ruột tên Nguyễn Quốc N3 là liệt sĩ nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giảm nhẹ một phần hình phạt nhưng xét về tính chất, mức độ tội phạm cần cách ly bị cáo T khỏi xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo nên áp dụng hình phạt tù 09 (chín) tháng tù; đối với bị cáo Nguyễn Tấn P là đồng phạm với vai trò giúp sức, bản thân bị cáo P chưa có

tiền án, tiền sự có các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên khi áp dụng hình phạt chấp nhận đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện M áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo P 04 (tháng) tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo vì không có việc làm ổn định.

[3] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra tài sản trộm được là xe mô tô biển số 64H3-2583 chưa thu hồi được, Cơ quan công an đã thông báo truy tìm xe, khi nào tìm được sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật TTHS buộc bị cáo T, bị cáo P mỗi người nộp lại số tiền 1.250.000 đồng tiền bán xe đây là tiền do phạm tội mà có.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Quách Duy T, bị cáo Nguyễn Tấn P bồi thường cho bị hại Lê Trần Thanh H số tiền 6.500.000 đồng.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quách Duy T, bị cáo Nguyễn Tấn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ khoản 1, 5 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quách Duy T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo T vào trại chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo vì không có việc làm ổn định.

2. Căn cứ khoản 1, 5 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo P vào trại chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo P vì không có việc làm ổn định.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Quách Duy T, bị cáo Nguyễn Tấn P có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Lê Trần Thanh H (đại diện hợp pháp anh Phạm Văn N1 chết năm 2021) số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tài sản trộm được là xe mô tô biển số 64H3-2583 chưa thu hồi được, Cơ quan công an đã thông báo truy tìm xe, khi nào tìm được sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật TTHS buộc bị cáo T, bị cáo P mỗi người nộp lại số tiền 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), tiền bán xe trộm được, đây là số tiền do phạm tội mà có.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

5. Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Quách Duy T và bị cáo Nguyễn Tấn P mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Nguyễn Quách Duy T và bị cáo Nguyễn Tấn P mỗi bị cáo phải chịu 162.500 đồng (Một trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & TAH TAT;
- VKS Tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ CAT;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện;
- Đội Tham mưu tổng hợp thuộc CA huyện;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Bị cáo, người tham gia TT;
- UBND xã Tân Phú, Song Phú;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Công Hảo